

Thực trạng xử lý vật chứng là động vật hoang dã theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Lê Bá Đức*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong các vụ án hình sự đóng vai trò then chốt, không chỉ góp phần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì đa dạng sinh học mà còn thể hiện sự tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong công tác phòng, chống tội phạm về động vật hoang dã. Hoạt động xử lý vật chứng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, cùng với cơ quan quản lý chuyên ngành về động vật hoang dã. Mặc dù pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam đã có những chế tài nhằm trừng trị, răn đe các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, quy định hiện hành vẫn còn chung chung: việc phân loại vật chứng (động vật còn sống, đã chết, sản phẩm mau hỏng) và ưu tiên các biện pháp (thả về tự nhiên, cứu hộ, chuyển giao hoặc tiêu hủy) thiếu hướng dẫn chi tiết về điều kiện và thứ tự áp dụng. Thực tiễn triển khai cho thấy việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau: có nơi ưu tiên thả về tự nhiên, địa phương khác lại cho rằng cần tập trung cứu hộ; có cơ quan coi trọng giá trị khoa học của mẫu vật, nhưng cơ quan khác thì cho tiêu hủy nhanh để tránh phát sinh chi phí bảo quản. Bên cạnh đó, trách nhiệm giữa cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan quản lý chuyên ngành chưa được xác định rõ ràng, dẫn đến chồng chéo, gây chậm trễ và đôi khi làm mất mát chứng cứ quan trọng. Bài viết tập trung phân tích các quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, chỉ ra những điểm khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng là động vật hoang dã.

Từ khoá: xử lý vật chứng, động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, tố tụng hình sự, vụ án hình sự

Công ty Luật TNHH Luật Hoàng & Cộng sự, Việt Nam

Liên hệ

Lê Bá Đức, Công ty Luật TNHH Luật Hoàng & Cộng sự, Việt Nam

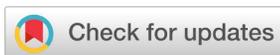
Email: lebaduc269@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 25-01-2025
- Ngày sửa đổi: 20-6-2025
- Ngày chấp nhận: 07-11-2025
- Ngày đăng: 15-03-2026

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v10i1.1560>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



TỔNG QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong những năm gần đây, theo đánh giá của một số chuyên gia quốc tế: “Việt Nam đang trở thành điểm nóng về buôn bán và sử dụng sản phẩm động vật hoang dã (ĐVHD), cũng như là điểm trung chuyển lớn cho hoạt động buôn bán ĐVHD trái phép trên thế giới”¹. Tổng số lượng tang vật ĐVHD dạng cá thể bị tịch thu trong vụ án hình sự trong giai đoạn 2018 - 2021 là 3.521 cá thể. Trong đó, cá thể còn sống chiếm đa số với 79,92%, tiếp đến lần lượt là cá thể đã chết với 12,18%, cá thể đông lạnh với 5,99%, cá thể sấy khô với 0,74%, tiêu bản với 1,11% và ít nhất là cá thể nhồi bông với 0,06%².

Mặc dù xử lý vật chứng (XLVC) là ĐVHD theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không phải là một chủ đề nghiên cứu mới, nhưng số lượng và chất lượng các nghiên cứu trong lĩnh vực này vẫn còn một số hạn chế. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong lĩnh vực này có thể kể đến như sau: bài viết “Một số vấn đề về XLVC trong các vụ án về các tội vi phạm quy

định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm (ĐVNQCQH)” của tác giả Trần Văn Độ, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12/2020; bài viết “Quản lý và XLVC là ĐVHD trong các vụ án hình sự” của tác giả Nguyễn Đức Hạnh, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23/2019 bài viết “Một số vấn đề về thẩm quyền và thời điểm XLVC là ĐVHD trong vụ án hình sự” của tác giả Lê Bá Đức đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15 2024 bài viết “Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về XLVC là ĐVHD, ĐVNQCQH” của tác giả Lê Bá Đức, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Kỳ 1, số 398 năm 2024.

Các công trình có đề cập đến những khó khăn, vướng mắc trong việc XLVC là ĐVHD. Cụ thể, các nghiên cứu này đã chỉ ra những điểm chưa hợp lý, như về cách thức xử lý đối với từng nhóm và loài động vật khác nhau; các vấn đề về thời điểm và thẩm quyền XLVC là ĐVHD. Tuy nhiên, chưa có bài viết nào nghiên cứu một cách cụ thể về các biện pháp XLVC là ĐVHD theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Mặc dù các văn bản pháp luật như Bộ luật Hình sự (BLHS), Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) và các

Trích dẫn bài báo này: Bá Đức L. Thực trạng xử lý vật chứng là động vật hoang dã theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2026; 10(1):6333-6341.

hướng dẫn liên quan đã quy định chi tiết về XLVC là ĐVHD, nhưng việc thực thi trong thực tiễn vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và quan điểm XLVC khác nhau. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu xuất phát từ việc xác định thẩm quyền xử lý vật chứng tại các giai đoạn tố tụng khác nhau, quy trình xử lý vật chứng vật chứng chưa đồng bộ, cũng như sự thiếu phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan. Tình trạng này làm giảm hiệu quả trong công tác xử lý vật chứng, ảnh hưởng đến tính khách quan và toàn diện của quá trình tố tụng hình sự. Những thách thức này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vụ án mà còn đe dọa sự tồn tại của nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Bài viết này sẽ tập trung phân tích các quy định pháp luật liên quan đến việc XLVC là ĐVHD trong tố tụng hình sự, bao gồm thẩm quyền và các biện pháp XLVC là ĐVHD. Đồng thời, tác giả đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện khung pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ các loài ĐVHD tại Việt Nam thông qua việc XLVC một cách kịp thời, chính xác và đúng pháp luật.

Bài viết này chủ yếu vận dụng phương pháp phân tích lý thuyết luật học để nghiên cứu các quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành cùng những quy định liên quan, qua đó đưa ra nhận định, đánh giá về vấn đề XLVC là ĐVHD. Bên cạnh đó, phương pháp tổng hợp và nghiên cứu án điển hình cũng được tác giả sử dụng nhằm minh chứng và củng cố cho các phân tích, đánh giá, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật một cách khách quan, toàn diện.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Cơ sở pháp lý về thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật hoang dã

Theo quy định của khoản 1 Điều 106 BLTTHS năm 2015, thẩm quyền XLVC được quy định như sau: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”. Như vậy, theo quy định của pháp luật, tùy vào từng giai đoạn (thời điểm) giải quyết vụ án hình sự để xác định cơ quan có thẩm quyền XLVC. Cụ thể, (i) Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền xử lý nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; (ii) Viện kiểm sát có thẩm quyền xử lý nếu vụ án bị đình chỉ ở giai đoạn truy tố; (iii) Tòa án sẽ có thẩm

quyền xử lý nếu vụ án đã chuyển sang giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc xét xử”³.

Ngoài ra, vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định, phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật (điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015).

Cơ sở pháp lý về các biện pháp xử lý vật chứng là động vật hoang dã

Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22/09/2021 (“Nghị định số 06/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP”) khái niệm ĐVHD được hiểu như sau: “ĐVHD là những loài động vật, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Loài ĐVNQC được ưu tiên bảo vệ;
- Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Loài ĐVHD nguy cấp thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora - Công ước CITES);
- Loài động vật rừng thông thường;
- Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố”.

Việc hiểu đúng và đầy đủ khái niệm ĐVHD theo quy định của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) là cơ sở quan trọng để nhận diện vật chứng là ĐVHD trong hoạt động tố tụng hình sự.

Việc XLVC là ĐVHD được quy định trong BLTTHS năm 2015 như sau: “Vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật”. Đặc biệt, ĐVHD được xem là loại vật chứng đặc biệt theo Điều 5 Nghị định số 127/2017/NĐ-CP quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng, trong đó có quy định việc niêm phong vật chứng có thể không áp dụng với động vật sống hoặc mau hỏng, khó bảo quản.

Nhằm cụ thể hóa quy định này, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ

ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS (Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP) tại Điều 7 đã chia vật chứng là ĐVHD thành ba nhóm: động vật còn sống; động vật đã chết hoặc sản phẩm ĐVHD, ĐVNQC thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản và; vật chứng khác. Đối với mỗi đối tượng vật chứng ĐVHD khác nhau lại có những cách xử lý khác nhau. Ngoài ra, các biện pháp XLVC là ĐVHD còn được quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES); và Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp nhà nước:

Trường hợp thứ nhất, nếu vật chứng là ĐVHD, ĐVNQC còn sống, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, ngay sau khi có kết luận giám định, có thể áp dụng hai biện pháp: “(i) *Giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả ĐVHD về tự nhiên, hoặc* (ii) *Giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác*”. Tuy nhiên, Nghị quyết này chưa quy định chi tiết về thời điểm hoặc điều kiện cụ thể để lựa chọn phương án giao cho trung tâm cứu hộ hay các cơ quan khác, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc ra quyết định xử lý.

Ngược lại, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) đã đưa ra thứ tự ưu tiên trong xử lý ĐVHD, trong đó biện pháp thả về môi trường tự nhiên được đặt lên hàng đầu, và chỉ khi không thể thực hiện, mới áp dụng các biện pháp khác như cứu hộ, chuyển giao, bán hoặc tiêu hủy. Sự khác biệt giữa Nghị quyết và Nghị định này đã tạo ra sự lúng túng trong thực tiễn XLVC là ĐVHD còn sống, đòi hỏi sự thống nhất và rõ ràng hơn trong quy định pháp luật.

Trường hợp thứ hai, khi vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, ĐVNQC thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, có hai phương án xử lý: (i) tiêu hủy hoặc (ii) giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền (điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP). Việc giao cho cơ quan chuyên ngành tuân theo Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT), theo đó các cơ sở cứu hộ, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu hoặc giáo dục sẽ tiếp nhận.

Mặc dù Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP cho phép tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành, nhưng

khoản 2 Điều 10 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) quy định rằng tiêu hủy chỉ là biện pháp cuối cùng khi không thể áp dụng các biện pháp khác. *Trường hợp thứ ba*, đối với vật chứng không thuộc trường hợp ĐVHD còn sống hay cá thể động vật chết/sản phẩm ĐVHD, ĐVNQC thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP (điểm c khoản 1 Điều 7) quy định hai phương án xử lý: tịch thu hoặc tiêu hủy.

Như vậy, hiện nay có khá nhiều văn bản pháp luật do các cơ quan khác nhau ban hành cùng điều chỉnh về việc XLVC là ĐVHD, dẫn đến sự chồng chéo và không thống nhất. BLTTHS năm 2015 chỉ quy định đơn giản rằng vật chứng là ĐVHD sẽ giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành nhưng không nêu rõ cơ quan nào. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP cũng không giải quyết vấn đề này. Trong khi đó, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT có liệt kê các cơ quan như kiểm lâm, trung tâm cứu hộ, vườn quốc gia, nhưng không xác định rõ những cơ quan này có phải là cơ quan quản lý chuyên ngành hay không⁴.

Các biện pháp XLVC là ĐVHD chỉ được BLTTHS năm 2015 quy định ở mức độ chung, và sau đó được hướng dẫn chi tiết bởi Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP về việc áp dụng các biện pháp xử lý đối với từng loại vật chứng là ĐVHD (Điều 7). Tuy nhiên, hướng dẫn trong Nghị quyết này cũng còn một số nội dung chưa tương thích với văn bản của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của bộ chuyên ngành.

THẢO LUẬN

Thực trạng khi xử lý vật chứng là động vật hoang dã còn sống

Thứ nhất, chưa có sự nhất quán về thời điểm áp dụng biện pháp thả lại ĐVHD về môi trường tự nhiên.

Thời điểm XLVC là ĐVHD được quy định tại khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015, theo đó việc XLVC là ĐVHD được tiến hành trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Song song với đó, khi vật chứng là ĐVHD, ĐVNQC vẫn còn sống, sau khi hoàn tất quá trình giám định, CQTHTT phải kịp thời bàn giao chúng cho cơ quan quản lý chuyên ngành để đưa trở lại môi trường tự nhiên (điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP).

Như vậy, BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP cho phép cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) linh hoạt về thời điểm khi áp dụng biện pháp thả lại ĐVHD về môi trường tự nhiên⁵, điều này dẫn đến chưa có sự nhất quán trong thực tiễn áp dụng pháp luật, có địa phương thả động vật về

môi trường tự nhiên trong giai đoạn điều tra, nhưng cũng có địa phương chờ đến khi kết thúc vụ án mới áp dụng biện pháp này. Sau đây là hai vụ án điển hình:
Vụ án thứ nhất: “Trong vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH (theo điểm a khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015), bị cáo Vũ Thị N đã mua trái phép 05 cá thể Tê tê Java. Những cá thể này thuộc Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) và thuộc Nhóm IB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP). Trong quá trình giải quyết, Cơ quan điều tra đã chuyển giao 04 cá thể Tê tê còn sống và 01 cá thể đã chết cho Trung tâm Bảo tồn ĐVHD tại Việt Nam để bảo quản trong thời gian chờ quyết định. Đến ngày 23/4/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định XLVC, theo đó 04 cá thể còn sống được **tái thả về môi trường tự nhiên** và 01 cá thể đã chết bị tiêu hủy”⁶.

Vụ án thứ hai: “Trong vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD (điểm c khoản 1 Điều 234 BLHS năm 2015), Chu Văn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bán lâm sản trái pháp luật (bán 01 cá thể Cây vòi mốc còn sống), nay lại có hành vi nuôi nhốt 04 cá thể Chồn bạc má bắc, tổng trọng lượng 4.5kg, trị giá 1.200.000 đồng nhằm mục đích bán kiếm lời. Về phần XLVC, Tòa án đã quyết định **tịch thu giao cho Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Cúc Phương chăm sóc và thả về tự nhiên**”⁷.

Tác giả ủng hộ quan điểm XLVC của Cơ quan điều tra ở vụ án thứ nhất khi thả ĐVHD trước khi xét xử. Bởi lẽ, “khi gửi động vật tới các trung tâm cứu hộ, trong quá trình cứu hộ động vật là tang vật của một vụ án đòi hỏi phải duy trì, bảo quản tình trạng tốt để chờ quyết định của Tòa án. Do vậy dù động vật được cứu hộ đã lành vết thương, đủ sức khỏe để thả lại tự nhiên, song vẫn phải tiếp tục chăm sóc, chờ đợi kéo dài làm tăng kinh phí cứu hộ, quá tải về cơ sở vật chất chuồng trại. Mặt khác càng chăm sóc lâu trong môi trường nuôi nhốt thì động vật sẽ mất dần tập tính hoang dã, dẫn đến khi tái thả về môi trường tự nhiên sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, việc chờ đến khi Hội đồng xét xử quyết định XLVC sẽ rất khó khăn và tốn kém cho cơ quan tố tụng bởi hàng loạt vấn đề phát sinh sẽ phải được giải quyết như: chi phí duy trì, bảo quản sẽ do ai chi trả? Ai chịu trách nhiệm?”⁸.

Thứ hai, CQTHTT trực tiếp áp dụng biện pháp thả lại động vật về môi trường tự nhiên mà không giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

Theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, ngay sau khi có kết luận giám định, các vật chứng thuộc nhóm ĐVHD

và ĐVNQCQH còn sống phải được giao cho các cơ quan chuyên trách để thực hiện việc trả về tự nhiên. Đồng thời, khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) cũng quy định chi tiết về việc tiếp nhận động vật rừng là vật chứng của VAHS được chuyển giao theo quyết định xử lý, trong đó nêu rõ danh mục các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận: “cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật”. Trường hợp cơ quan tạm giữ không có điều kiện nuôi dưỡng, bảo quản động vật rừng thì chuyển giao động vật rừng cho cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản trong thời gian chờ quyết định xử lý của người có thẩm quyền (khoản 2 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT).

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng biện pháp thả động vật về môi trường tự nhiên, tác giả nhận thấy có trường hợp CQTHTT trực tiếp tiến hành việc thả động vật còn sống về môi trường tự nhiên mà không giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành, chẳng hạn:

Vụ án thứ ba: “Trong vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH (điểm a khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015), bị cáo Lê Thị X đã có hành vi buôn bán 02 cá thể Kỳ đà vằn và 01 cá thể Rắn hổ chúa. Cả hai loài này đều được xếp vào Nhóm IB theo Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và có tên trong Phụ lục I của Công ước CITES. Về XLVC, Tòa án chấp thuận quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jú, theo đó 02 cá thể Kỳ đà vằn và 01 cá thể Rắn hổ chúa (đều còn sống) được **thả về môi trường tự nhiên**”⁹.

Vụ án thứ ba là một ví dụ điển hình cho thấy, mặc dù biện pháp XLVC giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành tuy đã được quy định trong BLTTHS năm 2015, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) nhưng để thực hiện trong thực tiễn là tương đối khó. Bởi nếu CQTHTT giao vật chứng là ĐVHD cho các trung tâm cứu hộ thì hiện nay, trung tâm cứu hộ ĐVNQCQH có số lượng ít, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn XLVC, nhiều trường hợp bắt giữ nhưng phải vận chuyển rất xa mới tới trung tâm cứu hộ. Theo thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên Việt Nam, “trên cả nước có 15 trung tâm cứu hộ trong đó có 05 trung tâm của tổ chức phi chính phủ và chỉ tập trung cứu hộ một số loài ưu tiên như gấu, tê tê, rùa, linh trưởng... còn những trung tâm khác được quản lý bởi Nhà nước thì hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực, phân bố không đều nên công

tác XLVC là ĐVNQCQH vẫn còn chậm và thiếu hiệu quả”¹⁰. Bên cạnh đó, “các trung tâm cứu hộ cũng ở rất xa nên việc vận chuyển đến nơi cứu hộ cũng ít khi làm được”¹¹ nên một số địa phương đã trực tiếp thả các loài ĐVHĐ về tự nhiên.

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động XLVC đối với ĐVHĐ còn sống trong nước đã để lại những hệ quả vô cùng đáng tiếc trong công tác bảo vệ ĐVHĐ. Ngoài ra, việc không có nơi tiếp nhận ĐVHĐ còn sống sau khi thu giữ vừa làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết VAHS và không đảm bảo môi trường sinh sống, điều kiện chăm sóc, ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học.

Thực trạng khi xử lý vật chứng là động vật hoang dã đã chết

Trường hợp vật chứng là ĐVHĐ đã chết, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP cho phép áp dụng một trong hai phương án: tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 1 Điều 7). Tuy nhiên, khi so sánh với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) về các hình thức xử lý động vật rừng, thì hướng xử lý ưu tiên là chuyển giao động vật rừng cho các đơn vị như vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, thay vì áp dụng biện pháp tiêu hủy. Như vậy, tồn tại sự khác biệt giữa Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP và Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) về cách thức xử lý đối với các cá thể động vật đã chết. Điều này dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các địa phương khi xử lý ĐVHĐ đã chết.

Vụ án thứ tư: “Trong vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH (điểm g, h khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015), Nguyễn Công N đã rủ Trần Đức M và Phùng Thanh Q đi săn bắn chim, thú ở núi C. Vào trưa ngày 27/01/2021, Nguyễn Công N chở Trần Đức M đi trước bằng xe máy, còn Phùng Thanh Q hẹn sẽ tới sau vào sáng 28/01/2021 để gặp nhau tại địa điểm đã định. Đến khoảng 12 giờ trưa ngày 28/01/2021, tại khu rừng phòng hộ do Công ty TNHH lâm nghiệp N quản lý, Nguyễn Công N sử dụng súng hơi tự chế bắn hạ 01 cá thể chim Hồng hoàng nặng 3,8kg và 01 cá thể Sóc đen nặng 2kg. Cả hai loài này đều thuộc danh mục ĐVNQCQH, bị cấm khai thác và sử dụng cho mục đích thương mại. Đối với vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã **bàn giao các cá thể trên cho Vườn quốc gia Núi Chúa để làm tiêu bản, phục vụ công tác tuyên truyền và bảo vệ môi trường**”¹².

Vụ án thứ năm: “Vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Văn B đã đồng ý vận chuyển 06 cá thể Tê tê Java (tình trạng đã chết, không còn vảy và nội tạng) từ Nghệ An lên Cao Bằng với mức thù lao 2.500.000 đồng. Loài Tê tê Java (*Manis javanica*) này nằm trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) và thuộc Nhóm IB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP). Trong giai đoạn xét xử, Tòa án đã ra quyết định **tịch thu và tiêu hủy toàn bộ 06 cá thể Tê tê nói trên**”¹³.

Vụ án thứ sáu: “Vào lúc 10 giờ sáng ngày 08/6/2020, Công an huyện T phối hợp cùng Công an xã T tiến hành kiểm tra tại thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội và bắt quả tang Đinh Hồng L cùng Trần Thị D nuôi, nhốt 27 cá thể chim Vẹt (thuộc Phụ lục II Công ước CITES) với mục đích bán và nuôi thu lợi kiếm lời. Tổng giá trị các cá thể Vẹt này được định giá là 288.100.000 đồng. Hành vi của Đinh Hồng L và Trần Thị D bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 234 BLHS năm 2015 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHĐ. Về XLVC, Tòa án đã quyết định **tịch thu và sung công 27 cá thể chim Vẹt, bao gồm 05 cá thể đã chết** và tiếp giao cho Trung tâm cứu hộ ĐVHĐ giải quyết theo thẩm quyền”¹⁴.

Qua ba vụ án trên, dù đều xử lý cá thể động vật đã chết, nhưng các Tòa án lại có ba hướng XLVC khác nhau. Cụ thể, trong vụ án thứ tư, Tòa án giao vật chứng cho Vườn quốc gia để phục vụ công tác tuyên truyền, bảo vệ môi trường; trong vụ án thứ năm, Tòa án áp dụng biện pháp tịch thu và tiêu hủy. Đáng chú ý, ở vụ án thứ sáu, Tòa án lại tịch thu, sung công và giao cho Trung tâm cứu hộ.

Vấn đề đặt ra trong vụ án thứ sáu là biện pháp tịch thu, sung công được hiểu như thế nào? Theo Điều 14 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) quy định, việc bán vật chứng là ĐVHĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp động vật rừng là vật chứng được phép sử dụng vào mục đích thương mại và không phải xử lý bằng các biện pháp thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên; cứu hộ động vật rừng; và chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành. Ngoài ra, điều kiện bán vật chứng yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc của cơ sở cứu hộ động vật do Nhà nước quản lý về việc động vật rừng không thuộc trường hợp phải tiêu hủy.

Vậy trong vụ án thứ sáu, liệu các cá thể Vẹt đã chết có thể bán để nộp vào ngân sách Nhà nước hay không? Hay chỉ đơn thuần là biện pháp tịch thu và giao cho cơ

quan có thẩm quyền như Trung tâm cứu hộ ĐVHD để xử lý theo đúng quy định của pháp luật? Mặc dù Điều 14 cho phép bán động vật rừng trong một số trường hợp nhất định, nhưng theo quan điểm của tác giả, việc tịch thu, sung công không đồng nghĩa với việc bán các cá thể động vật đã chết, mà chỉ là việc chuyển giao quyền sở hữu vật chứng cho các cơ quan chuyên môn, như Trung tâm cứu hộ ĐVHD để xử lý theo thẩm quyền. Tòa án quyết định việc giao cho các cơ quan này quản lý, giúp bảo vệ và phục hồi các cá thể ĐVHD, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kiến nghị hoàn thiện các quy định về xử lý vật chứng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 quy định vật chứng là ĐVHD phải được CQTHTT giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành xử lý sau khi có kết luận giám định. Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, việc xử lý động vật còn sống phải được tiến hành ngay sau khi có kết luận giám định. Cụ thể, chúng sẽ được bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để thả về tự nhiên, hoặc giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, hay tổ chức khác. Đồng thời, quy định này cũng mở rộng phạm vi đối tượng vật chứng có thể được xử lý, bao gồm cả cá thể động vật đã chết và các sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQC thuộc nhóm dễ hư hỏng hoặc khó bảo quản. Do vậy, khi sửa đổi BLTTHS năm 2015, cần điều chỉnh điểm d khoản 3 Điều 106 để tạo ra sự thống nhất về mặt kỹ thuật lập pháp¹⁵.

Tham khảo kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Trung Quốc, các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Cục Bảo tồn ĐVHD và Thủy sản (Hoa Kỳ)¹⁶, Cục Quản lý Lâm nghiệp và Thảo nguyên (Trung Quốc)¹⁷ luôn hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thực thi pháp luật và Tòa án trong quá trình XLVC là ĐVHD. Chính vì thế, điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 cũng cần sửa đổi, bổ sung theo hướng CQTHTT phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành để XLVC là ĐVHD theo quy định của pháp luật, thay vì chỉ giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

Đối với các biện pháp, trình tự và thủ tục để XLVC là ĐVHD, tác giả kiến nghị cần có văn bản liên tịch hướng dẫn chi tiết về vấn đề này và Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao chủ trì việc hướng dẫn này. Do đó, nội dung của điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

phải ra quyết định xử lý vật chứng, sau đó giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành thi hành quyết định xử lý vật chứng này theo quy định của pháp luật.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này”.

Kiến nghị hoàn thiện các biện pháp xử lý vật chứng cụ thể

Để các biện pháp XLVC được áp dụng hiệu quả tác giả kiến nghị cần ban hành Thông tư liên tịch giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có nội dung hướng dẫn về việc XLVC là ĐVHD, ĐVNQC trên cơ sở của BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP); Nghị định số 160/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP); Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT) với những nội dung cụ thể sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về XLVC là ĐVHD còn sống.

Đối với động vật còn sống thì công việc ưu tiên là “phải chuyển giao kịp thời cho cơ quan quản lý chuyên ngành để cơ quan này cứu hộ và có thả lại động vật về môi trường tự nhiên để duy trì sự sống. Việc thả ĐVHD về tự nhiên khi và chỉ khi ĐVHD khỏe mạnh, được tịch thu gần khu vực sinh sống tự nhiên và mới bị buôn bán trong khoảng thời gian ngắn cũng như có đánh giá của chuyên gia về khả năng sinh tồn của ĐVHD trước khi tái thả”¹⁸. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 chỉ dừng lại ở việc quy định về mặt thời gian là “ngay sau khi có kết luận giám định” mà chưa có mốc thời gian cụ thể. Vì vậy, cần quy định rõ thời gian cụ thể là: **“Trong vòng 12 giờ kể từ khi nhận được kết luận giám định, CQTHTT phải phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật”**. Trường hợp này cũng cần được áp dụng cho động vật đã chết và sản phẩm của ĐVHD. Hơn nữa, cần bổ sung vào Điều 206 BLTTHS năm 2015 theo hướng đây là một trong những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định và bổ sung các quy định khác có liên quan đến trường hợp giám định bắt buộc này trong BLTTHS năm 2015 nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn tố tụng, rút ngắn thời gian và chi phí trưng cầu giám định⁴. Bên cạnh đó, cần có những phương án xử lý đối với động vật còn sống:

Phương án 1: “Thả động vật về tự nhiên, không thông qua quá trình kiểm dịch, cứu hộ và phục hồi: đối với

các cá thể còn sống, có nguồn gốc rõ ràng (bị bắt từ các khu rừng nhất định), được bác sỹ thú y kết luận khỏe mạnh, không mang bệnh tật và có đầy đủ quyết định XLVC”¹⁹.

Phương án 2: “Chuyển giao động vật đến các trung tâm cứu hộ phù hợp: đối với (1) động vật còn sống, có nguồn gốc rõ ràng nhưng bị thương, yếu hoặc bị bệnh; (2) động vật còn sống và không có nguồn gốc rõ ràng; (3) động vật có con nhỏ hoặc đang mang thai”¹⁹.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về XLVC đối với cá thể động vật chết và sản phẩm của chúng.

Mặc dù Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP có đề cập nội dung hướng dẫn việc XLVC là “cá thể động vật chết và sản phẩm ĐVHD, ĐVNQCQ thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản nhưng mới chỉ hướng dẫn chung chung là Tòa án tuyên tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”²⁰. Hơn nữa, việc duy trì và bảo quản những loại vật chứng này đòi hỏi nguồn kinh phí cao, kèm theo nguy cơ phát sinh dịch bệnh cũng như ô nhiễm môi trường. Vì vậy, biện pháp tịch thu và tiêu hủy đối với động vật đã chết hay các sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ có đặc tính nhanh hỏng, khó bảo quản là cần thiết. Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định tiêu hủy đối với các trường hợp động vật mang mầm bệnh cũng là giải pháp phù hợp.

Đối với cá thể ĐVHD, ĐVNQCQ đã chết và sản phẩm của chúng vẫn còn nguyên vẹn về mặt hình thái và có giá trị về mặt sinh học (không thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản) thì việc tiêu hủy chúng sẽ làm mất đi giá trị khoa học, giáo dục và bảo tồn. Những cá thể này có thể được xử lý dưới hình thức làm tiêu bản hoặc bảo tồn mẫu vật để trưng bày tại các khu bảo tàng thiên nhiên, trung tâm giáo dục môi trường hoặc sử dụng trong nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ ĐVHD theo tinh thần tại Điều 13 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT).

Do đó, điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP cần được sửa đổi như sau: “*Vật chứng là cá thể động vật chết, động vật mang dịch bệnh hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy.*

Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQ không thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản mà xét thấy có giá trị trong việc bảo tồn, giáo dục, nghiên cứu khoa học thì giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền bảo quản để phục vụ cho mục đích bảo tồn, giáo dục, nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật”.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS: Bộ luật Hình sự

BLTTHS: Bộ luật Tố tụng hình sự

ĐVHD: Động vật hoang dã

ĐVNQCQ: Động vật nguy cấp, quý, hiếm

CQTHTT: Cơ quan tiến hành tố tụng

XLVC: Xử lý vật chứng

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Lê Bá Đức chịu trách nhiệm về ý tưởng, viết và phê duyệt bản thảo cuối cùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C UNOD. World Wildlife Crime Report-Trafficking in protected species. Vienna; 2020.
2. Nam WCSV. Báo cáo Tội phạm về động vật hoang dã tại Việt Nam từ góc độ thống kê và tội phạm học giai đoạn 2018-2021. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2023. p. 25.
3. Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội T. Kỳ yếu hội thảo khoa học Pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2023. p. 115-116.
4. Duy LHT. Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. 2023;02:45.
5. Lý TC. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc để đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại động vật hoang dã có hiệu quả. [Online]. 2020 [cited 2025 April 08]. Available from: <https://tapchitoaan.vn/khac-phuc-nhung-kho-khan-vuong-mac-de-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-xam-hai-dong-va-hoang-da-co-hieu-qua>.
6. Bản án số 243/2020/HS-PT ngày 19/9/2020 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. [Online]. 2020 [cited 2025 April 08]; [02 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta609426t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
7. Bản án số 13/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Ninh Bình. [Online]. 2023 [cited 2025 April 8]; [5 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1164668t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
8. Pha NV. Bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm bằng pháp luật hình sự Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2018. p. 103.
9. Bản án số 66/2022/HS-PT ngày 15/11/2022 về tội vi phạm quy định về động vật nguy cấp, quý, hiếm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. [Online]. 2022 [cited 2025 April 9]; [5 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1090204t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
10. Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội T. Kỳ yếu hội thảo khoa học Pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2023. p. 103.
11. Pha NV. Hoạt động giám sát thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã. Tạp chí Kiểm sát. 2020;12:61.
12. Bản án số 51/2021/HS-PT ngày 23/9/2021 về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. [Online]. 2021 [cited 2025 April 09]; [4 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta799278t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

13. Bản án số 18/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn. [Online]. 2020 [cited 2025 April 09]; [6 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta586443t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
14. Bản án số 248/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã của Tòa án nhân dân huyện T, TP. Hà Nội. [Online]. 2021 [cited 2025 April 10]; [10 screens]. Available from: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta813915t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
15. Đức Hạnh N. Quản lý và xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong các vụ án hình sự. . Tạp chí Tòa án nhân dân. 2019;23:14.
16. Service UFW. Endangered Species Act of 1973. [Online]. [cited 2025 April 10]; [13 screens]. Available from: https://www.fws.gov/sites/default/files/documents/endangered-species-act-accessible_7.pdf.
17. Translate CL. Wildlife Protection Law of the PRC - 2022 Version. [Online]. 2022 [cited 2025]. Available from: <https://www.chinalawtranslate.com/en/wildlife-protection-law-2022>.
18. Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên. Hướng dẫn thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã năm 2023. Tài liệu tham khảo hỗ trợ các cơ quan chức năng trong công tác quản lý, xử lý vi phạm về động vật hoang dã; 2023. p. 40.
19. Wildlife SV. Cẩm nang hướng dẫn trình tự xử lý Tê tê sau tịch thu. [Online] [cited 2025 April 10]; [5 screens]. Available from: https://svw.vn/wp-content/uploads/2021/09/Handbook_XulySautichthu_Pangolin_SVW_Vie-compressed.pdf.
20. Đức LB. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. 2023;398:35.

 Open Access Full Text Article

Current status of handling evidence of wild animals under the Vietnamese criminal procedure law

Le Ba Duc*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The handling of wildlife exhibits in criminal cases plays a key role, not only contributing to protecting the ecosystem and maintaining biodiversity but also demonstrating Vietnam's dedication to implementing international commitments in the prevention and fight against wildlife crimes. The handling of material evidence requires close and synchronous coordination between procedural agencies, including investigating agencies, agencies tasked with conducting a number of investigative activities, procuracies, and courts, together with specialized wildlife management agencies. Although Vietnam's criminal law and criminal procedures prescribe sanctions to punish and deter violations of regulations on the protection of wild animals and endangered, precious, and rare species, the current regulations lack detailed guidance on the conditions and procedures for classifying objects (such as live animals, dead specimens, animal parts, and prohibited products) and for prioritizing measures (including release into the wild, rescue, transfer, and destruction). Practice shows that the handling of physical evidence of wild animals still reflects many divergent views: some localities prioritize rapid release back into natural habitats, while others focus on rescue and rehabilitation; some agencies emphasize the scientific or educational value of specimens, but others destroy them swiftly to avoid incurring storage costs. In addition, responsibilities between procedural bodies and specialized management authorities have not been clearly defined, leading to overlap, causing delays, and sometimes resulting in the loss or compromise of important evidence. Furthermore, it is indispensable to ensure timely, scientific, and transparent handling procedures, with clear accountability mechanisms and strengthened capacity-building efforts across all relevant agencies. The article focuses on analyzing current criminal procedure law provisions, pointing out practical difficulties and legal obstacles, and proposing targeted solutions to improve the criminal procedure framework on the handling of material evidence involving wild animals.

Key words: handling of material evidence, wild animals, endangered, precious, and rare animals, criminal procedures, criminal cases

Hoang & Associates Law Co., Ltd.
Vietnam

Correspondence

Le Ba Duc, Hoang & Associates Law Co., Ltd. Vietnam

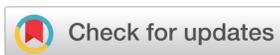
Email: lebaduc269@gmail.com

History

- Received: 25-01-2025
- Revised: 20-6-2025
- Accepted: 07-11-2025
- Published Online: 15-03-2026

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v10i1.1560>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Ba Duc L. **Current status of handling evidence of wild animals under the Vietnamese criminal procedure law.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2026; 10(1):6333-6341.